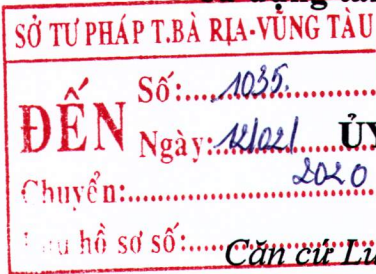


Số 41 /2019/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2020



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*
- Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*
- Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;*
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5104/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2019 về dự thảo Quyết định ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển nhất định trên các vùng biển thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để khai thác, sử

dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 51/2014/NĐ-CP).

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP, gồm:

a) Khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí;

b) Khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy sản;

c) Khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT) và các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhất định trên các vùng biển thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 3.000.000 đồng/ha/năm;

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 4.000.000 đồng/ha/năm;

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 5.000.000 đồng/ha/năm;

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước

phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trực vớt hiện vật, khảo cổ: 6.000.000đồng/ha/năm;

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm. Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh;

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 3.000.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Xử lý chuyên tiếp

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thuộc nhóm quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT được tiếp tục thực hiện theo nội dung quy định tại Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2019.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện theo trách nhiệm quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp thuận vị trí đổ thải bùn nạo vét theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng khu vực biển đến Cục Thuế tỉnh để đơn đốc nộp tiền theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh và các đoàn thể trong tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6 (đề th/h);
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, STC (03 bản), TH. *TH*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH *TH*

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc